

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày: 07/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn D**

2. Ông **Lưu T**

Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Minh T** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/HSST ngày 25/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 23/4/2021 đối với bị cáo:

Nông Văn T (Tên gọi khác: Chung), sinh năm 1987 tại tỉnh Lạng Sơn; Nơi cư trú: Thôn 16, xã E, huyện E, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Làm Nông; Cha: Nông Quốc V - Sinh năm: 1957, Mẹ: Hoàng Thị L (đã chết); Cha của bị cáo hiện trú tại Thôn 16, xã E, huyện E, tỉnh Đ; Gia đình bị cáo có 06 anh em, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1995; bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: K - Sinh năm: 1984; Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2014. Vợ và con của bị cáo hiện trú tại làng B, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

Tiền án: Ngày 02/5/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xử phạt 18 tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2021 cho đến nay tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Huỳnh Văn K** - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của T tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

* *Bị hại:* Anh **Bùi Đức H** - sinh năm: 1984. Trú tại: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 21 giờ ngày 04/01/2021, Nông Văn T cùng anh Bùi Đức H (Sinh năm 1984, trú tại thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G) đi đến nhà anh Hoàng Văn L thuộc thôn KT, xã K, huyện Đ, tỉnh G, để uống rượu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì nghỉ, mọi người ra về, anh L và người nhà thì ngủ ở trong phòng. Lúc này, Nông Văn T mượn điện thoại nhãn hiệu SamSung Galaxy 10S

của anh H để sử dụng và sau đó đã trả lại cho anh H, vì đã say rượu nên anh H nằm ngủ luôn tại sân nhà và đặt điện thoại bên cạnh. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của anh H để sử dụng nên đã lén lút lấy trộm chiếc điện thoại của anh H rồi đi bộ về nhà anh Nguyễn H tại thôn KT, xã K, huyện Đ, tỉnh G (nơi T đang ở nhờ) cất giấu điện thoại tại góc cà phê ở cạnh nhà rồi vào phòng bếp nhà anh H ngủ.

Đến sáng ngày 05/01/2021, anh H phát hiện mất điện thoại nên đã gặp T để hỏi nhưng T trả lời không biết rồi bỏ đi. Đến khoảng 12 giờ ngày 06/01/2021, anh H hẹn gặp T tại khu vực cầu L thuộc xã T, huyện Đ, tỉnh G, để nói chuyện thì T thừa nhận đã lấy trộm điện thoại của anh H rồi cùng anh H đến Công an xã T đầu thú. Cùng ngày, Nông Văn T đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại nêu trên. Qua định giá, xác định điện thoại di động bị trộm cắp trị giá 2.000.000đ.

2. Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là anh Bùi Đức H.

3. Về dân sự: Anh Bùi Đức H đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số: 15/CT-VKS ngày 23/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại các khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị: Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn dưới mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

2. Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 04/01/2021, tại thôn KT, xã K, huyện Đ, tỉnh G, bị cáo Nông Văn T đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy 10S của anh Bùi Đức H trị giá 2.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Bị cáo đã từng nhiều lần thực hiện hành vi vi phạm pháp luật và bị xử lý theo quy định của pháp luật nhưng đã không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của chủ sở hữu, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân xấu:

Ngày 17/3/2010, bị Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đ tuyên án 05 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo Bản án số 03/2010/HSST. Ngày 11/6/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử phúc thẩm tuyên án 05 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo Bản án số 162/2010/HSPT. Chấp hành án tại trại giam Đ - Bộ Công an đến ngày 31/8/2013, chấp hành xong hình phạt. (Đã được xóa án tích).

Ngày 28/9/2018, bị Công an xã E, huyện E, tỉnh Đ xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản (Đã xóa tiền sự).

Ngày 02/5/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tuyên án 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 13/2019/HSST. Chấp hành án tại trại giam Gia Trung - Bộ Công an đến ngày 06/5/2020, chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích).

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

3. Về các vấn đề khác:

Đối với ông Nguyễn H, là chủ nhà nơi Nông Văn T cất giấu tài sản do phạm tội mà có, nhưng ông H không biết về hành vi trộm cắp tài sản cũng như hành vi cất giấu tài sản của bị cáo nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

Anh Bùi Đức H đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Nông Văn T** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 06/01/2021.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nông Văn T phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/5/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại
- Người TGTT khác
- Lưu HS, AV, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân H